CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS

Tầng 10, TNR Tower, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: +84.28.39147027 Fax: +84.28.39147020

ĐIỀU LỆ

(Sửa đổi theo Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Chứng khoán KS)

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2021

CĂN CỨ PHÁP LÝ **1**
Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG** **1**
ĐIỀU 1. Giải thích thuật ngữ 1
ĐIỀU 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, mạng lưới hoạt động và thời hạn hoạt động của Công ty. 2
ĐIỀU 3. Người đại diện theo pháp luật 2
ĐIỀU 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 3
ĐIỀU 5. Phạm vi hoạt động kinh doanh của Công ty 3
ĐIỀU 6. Nguyên tắc hoạt động 4
Chương II **VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG** **4**
Mục 1 **VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN** **4**
ĐIỀU 7. Vốn điều lệ 4
ĐIỀU 8. Các loại cổ phần 5
ĐIỀU 9. Chứng nhận cổ phiếu 5
ĐIỀU 10. Sổ đăng ký cổ đông. 5
ĐIỀU 11. Chuyển nhượng cổ phần 6
ĐIỀU 12. Mua lại cổ phần 6
Mục 2 **QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG** **6**
ĐIỀU 13. Tiêu chuẩn của cổ đông của Công ty 6
ĐIỀU 14. Quyền của cổ đông phổ thông của Công ty 7
ĐIỀU 15. Nghĩa vụ của cổ đông 8
Chương III **QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY** **9**
ĐIỀU 16. Bộ máy quản trị điều hành của Công ty 9
Mục 1 **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG** **9**
ĐIỀU 17. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông 9
ĐIỀU 18. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông 11
ĐIỀU 19. Thay đổi các quyền 13
ĐIỀU 20. Đại diện theo ủy quyền 13
ĐIỀU 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 14
ĐIỀU 22. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 14
ĐIỀU 23. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 16
ĐIỀU 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 17
ĐIỀU 25. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 19
ĐIỀU 26. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông 20
Mục 2 **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** **20**
ĐIỀU 27. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị. 20

ĐIỀU 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị 21
ĐIỀU 29. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 22
ĐIỀU 30. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị 23
ĐIỀU 31. Chủ tịch Hội đồng Quản trị 24
ĐIỀU 32. Quy định chung về cuộc họp Hội đồng Quản trị 25
ĐIỀU 33. Triệu tập họp Hội đồng Quản trị và địa điểm họp 26
ĐIỀU 34. Chương trình họp Hội đồng Quản trị 26
ĐIỀU 35. Thông báo và chuẩn bị nội dung họp Hội đồng Quản trị 27
ĐIỀU 36. Thành phần tham dự họp Hội đồng Quản trị 27
ĐIỀU 37. Điều kiện tiến hành họp Hội đồng Quản trị 27
ĐIỀU 38. Biên bản họp Hội đồng Quản trị 27
ĐIỀU 39. Quyết định thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị 28
ĐIỀU 40. Tổ chức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản 29
ĐIỀU 41. Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị 30
Mục 3 **TỔNG GIÁM ĐỐC 31**
ĐIỀU 42. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc 31
ĐIỀU 43. Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc 32
ĐIỀU 44. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban Kiểm soát 33
ĐIỀU 45. Cơ cấu và Thành viên Ban Kiểm soát 33
ĐIỀU 46. Trưởng Ban Kiểm soát 34
ĐIỀU 47. Nhiệm vụ của Ban Kiểm soát 35
ĐIỀU 48. Quyền của Ban Kiểm soát 36
ĐIỀU 49. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát 36
ĐIỀU 50. Trách nhiệm của Thành viên Ban Kiểm soát 37
ĐIỀU 51. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Thành viên Ban Kiểm soát 37
ĐIỀU 52. Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát 37
ĐIỀU 53. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ 37
ĐIỀU 54. Công nhân viên và công đoàn 38
ĐIỀU 55. Phân phối lợi nhuận 38
ĐIỀU 56. Tài khoản ngân hàng 39
ĐIỀU 57. Năm tài chính 39
ĐIỀU 58. Chế độ kế toán 39
ĐIỀU 59. Báo cáo tài chính năm và Báo cáo tài chính bán niên 40
ĐIỀU 60. Báo cáo thường niên 40
ĐIỀU 61. Kiểm toán 40
ĐIỀU 62. Dấu của doanh nghiệp 40
ĐIỀU 63. Chấm dứt hoạt động 41

ĐIỀU 64. Thanh lý 41
ĐIỀU 65. Tổ chức lại Công ty 42
ĐIỀU 66. Giải quyết tranh chấp nội bộ 42
ĐIỀU 67. Điều lệ Công ty 42
ĐIỀU 68. Ngày hiệu lực 43

CĂN CỨ PHÁP LÝ

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;*

- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;*

- *Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán KS số 02/2021/NQ-Đại hội đồng cổ đông ngày 23/04/2021.*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 1. Giải thích thuật ngữ

1.1. Trong Điều lệ này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

(a) "Công ty" là Công ty Cổ phần Chứng khoán KS;

(b) "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

(c) "Điều" là một điều khoản của Điều lệ này;

(d) "Điều lệ" có nghĩa là điều lệ này và các phụ lục đính kèm theo điều lệ này và các sửa đổi bổ sung của điều lệ và các phụ lục đính kèm theo điều lệ này;

(e) "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

(f) "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

(g) "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

(h) "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp;

(i) "Người quản lý công ty" bao gồm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh và các chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định của Điều lệ này;

(j) "Pháp luật" là tất cả văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2015;

(k) "UBCK" là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

(l) "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá số cổ phần đã phát hành mà các cổ đông đã thanh toán đủ và được ghi nhận theo Điều 7 và Điều 8 của Điều lệ này;

(m) "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

1.2 Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới bất kỳ Điều Điều hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi hoặc thay thế của Điều Điều hoặc văn bản đó.

1.3 Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ) được đưa vào để thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa, nội dung của Điều lệ.

1.4 Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

ĐIỀU 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, mạng lưới hoạt động và thời hạn hoạt động của Công ty

2.1. Tên Công ty:

(a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Chứng khoán KS

(b) Tên Tiếng Anh: KS Securities Joint Stock Company

(c) Tên giao dịch: KS Securities

(d) Tên viết tắt: KSS

2.2. Hình thức pháp lý của Công ty: Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

2.3. Trụ sở Công ty: Tầng 1-2, Sunshine Center, 16 Phạm Hùng, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội

2.4. Mạng lưới hoạt động:

(a) Công ty có thể có chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty, phù hợp với quyết định của Hội đồng Quản trị trong phạm vi pháp luật cho phép;

(b) Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện là những đơn vị thuộc Công ty và Công ty phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của mình;

(c) Công ty chỉ hoạt động kinh doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ chứng khoán tại các địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh và phòng giao dịch đã được UBCK chấp thuận.

(d) Tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện phải mang tên Công ty kèm theo cụm từ chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và tên riêng để phân biệt.

2.5. Thời hạn hoạt động:

Thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ Ngày thành lập và là vô thời hạn, trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định tại Điều 65 của Điều lệ này.

ĐIỀU 3. Người đại diện theo pháp luật

3.1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự,nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3.2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

3.3. Ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật:

(a) Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định tại Điều lệ này phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định pháp luật để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trong trường hợp này, Người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền;

(b) Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo điểm (a) khoản này mà Người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người đã được ủy quyền (theo quy định tại điểm (a) khoản này) vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi Người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng Quản trị quyết định cử người khác làm Người đại diện theo pháp luật của Công ty;

(c) Trường hợp Người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt tại Việt Nam quá ba mươi (30) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng Quản trị cử người khác làm Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

3.4. Trong một số trường hợp đặc biệt Người đại diện theo pháp luật do Tòa án có thẩm quyền, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác chỉ định trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

ĐIỀU 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

4.1. Mục tiêu hoạt động của Công ty là hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán hiệu quả, thu lợi nhuận tối đa, mang lại lợi ích cho các Cổ đông, tạo công ăn việc làm cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước, và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

4.2. Nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu trên cần cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì Công ty chỉ thực hiện mục tiêu đó sau khi được chấp thuận.

ĐIỀU 5. Phạm vi hoạt động kinh doanh của Công ty

5.1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

(a) Môi giới chứng khoán;

(b) Tự doanh chứng khoán;

(c) Bảo lãnh phát hành chứng khoán;

(d) Tư vấn đầu tư chứng khoán;

(e) Các dịch vụ tài chính được phép khác.

Tại thời điểm Điều lệ này được thông qua, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép thực hiện nghiệp vụ quy định tại đoạn (a) và chưa được thực hiện các nghiệp vụ trong đoạn (b), (c), (d) và (e). Công ty chỉ được thực hiện các nghiệp vụ đó sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận trong Giấy phép thành lập và hoạt động.

5.2. Ngoài nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại Điều 5.1 trên đây, Công ty được cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài Điều giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.

5.3. Công ty có thể bổ sung, rút bớt một hoặc một số nghiệp vụ kinh doanh nêu tại Điều 5.1 và Điều 5.2 sau khi được Pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

ĐIỀU 6. Nguyên tắc hoạt động

6.1. Tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và pháp luật có liên quan.

6.2. Thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng, trung thực.

6.3. Ban hành quy trình nghiệp vụ, quy trình kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, quy tắc đạo đức hành nghề phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh của Công ty.

6.4. Đảm bảo nguồn lực về con người, vốn và cơ sở vật chất cần thiết để phục vụ cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, tuân thủ quy định của pháp luật.

6.5. Tách biệt về văn phòng làm việc, nhân sự, hệ thống dữ liệu, báo cáo giữa các bộ phận nghiệp vụ để đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa Công ty với khách hàng, giữa khách hàng với nhau. Công ty phải công bố cho khách hàng biết trước về những xung đột lợi ích có thể phát sinh giữa Công ty, người hành nghề và khách hàng.

6.6. Bố trí người hành nghề chứng khoán và các nhân sự có chứng chỉ phù hợp với nghiệp vụ và hoạt động kinh doanh. Người hành nghề chứng khoán thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán không được đồng thời thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán.

6.7. Dự báo giá hoặc khuyến nghị giao dịch liên quan đến một loại chứng khoán cụ thể trên các phương tiện truyền thông phải ghi rõ cơ sở phân tích và nguồn trích dẫn thông tin.

Chương II

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

Mục 1

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

ĐIỀU 7. Vốn điều lệ

Vào ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là 110.538.460.000 VNĐ (Bằng chữ: Một trăm mười tỷ năm trăm ba mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của Pháp luật.

ĐIỀU 8. Các loại cổ phần

8.1. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 11.053.846 (Bằng chữ: Mười một triệu không trăm năm mươi ba nghìn tám trăm bốn mươi sáu) cổ phần. Mệnh giá cổ phần là 10.000 VNĐ/cổ phần.

8.2. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và không (0) có cổ phần ưu đãi.

8.3. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

8.4. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Cách thức, tỉ lệ chuyển đổi do Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định pháp luật.

8.5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

8.6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng Quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

8.7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

ĐIỀU 9. Chứng nhận cổ phiếu

9.1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Cổ đông của Công ty được cấp giấy chứng nhận sở hữu cổ phần bản cứng tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu nếu có yêu cầu.

9.2. Trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo phương án phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần có quyền yêu cầu Công ty cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

9.3. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới dựa trên thông tin tại Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

ĐIỀU 10. Sổ đăng ký cổ đông

10.1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông ngay khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

10.2. Hình thức của sổ đăng ký cổ đông do Công ty quyết định có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

10.3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu tại trụ sở chính Công ty hoặc được lưu tại Trung tâm lưu ký chứng khoán.

10.4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào Sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

ĐIỀU 11. Chuyển nhượng cổ phần

11.1. Cổ phần của Công ty được tự do chuyển nhượng, trừ các trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định tại Điều lệ này.

11.2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 12. Mua lại cổ phần

12.1. Công ty chỉ được quyền mua lại cổ phần khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện giảm vốn điều lệ và tỷ lệ mua lại theo quy định của pháp luật.

12.2. Các trường hợp mua lại cổ phần:

(a) Mua lại theo yêu cầu của cổ đông

Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình, nếu cổ đông đó bỏ phiếu không tán thành đối với quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc tổ chức lại Công ty; hoặc sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Điều lệ này liên quan đến quyền và nghĩa vụ của cổ đông. Yêu cầu mua lại cổ phần phải được lập bằng văn bản và gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

(b) Mua lại theo quyết định của Công ty

Công ty có thể mua lại cổ phần phổ thông, cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán. Tỷ lệ, cách thức, thủ tục mua lại cổ phần được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Mục 2

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 13. Tiêu chuẩn của cổ đông của Công ty

13.1. Cổ đông của Công ty cần đạt các tiêu chuẩn sau:

(a) Cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của 01 công ty chứng khoán và người có liên quan của cổ đông, thành viên góp vốn đó (nếu có) không sở hữu trên 5% vốn điều lệ của 01 công ty chứng khoán khác;

(b) Cổ đông, thành viên góp vốn là nhà đầu tư nước ngoài phải đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 77 của Luật Chứng khoán.

13.2. Cổ đông sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của Công ty phải thông báo đầy đủ cho Công ty trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được thông tin, đối với các trường hợp sau:

(a) Số cổ phần hoặc phần vốn góp bị phong tỏa, cầm cố hoặc bị xử lý theo quyết định của tòa án;

(b) Cổ đông là tổ chức quyết định thay đổi tên hoặc chia, tách, giải thể, phá sản.

13.3. Công ty sẽ báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các trường hợp quy định tại Điều 13.2 trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của cổ đông.

ĐIỀU 14. Quyền của cổ đông phổ thông của Công ty

14.1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu.

14.2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

(a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền, hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ Công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

(b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

(c) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác.

(d) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

(e) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ các trường hợp quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

(f) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty.

(g) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật.

(h) Các quyền khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

14.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

(a) Xem xét, tra cứu và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

(b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp Hội đồng Quản trị vi

phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

(c) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

(d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

14.4. Cổ đông hoặc hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

(a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

(b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

(c) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 15. Nghĩa vụ của cổ đông

15.1. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn số cổ phần cam kết mua; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật. Trường hợp cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

15.2. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

15.3. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân

khác.

15.4. Chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.

15.5. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật chứng khoán, Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

15.6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

(a) Vi phạm pháp luật;

(b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; hoặc

(c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Chương III

QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

ĐIỀU 16. Bộ máy quản trị điều hành của Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

(a) Đại hội đồng cổ đông;

(b) Hội đồng Quản trị;

(c) Ban Kiểm soát;

(d) Ban Tổng Giám đốc.

Mục 1

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 17. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

17.1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty.

17.2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

(a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

(b) Thông qua báo cáo tài chính năm;

(c) Quyết định mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng Quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

(d) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;

(e) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

(f) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát;

(g) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;

(h) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ này;

(i) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;

(j) Quyết định tổ chức lại, chuyển đổi loại hình và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

(k) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

(l) Thông qua hoạt động đầu tư và bán tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

(m) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

(n) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;

(o) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

(p) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;

(q) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

17.3. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

(a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

(b) Báo cáo tài chính hằng năm;

(c) Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị;

(d) Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trihoặc Tổng Giám đốc;

(e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và Thành viên Ban Kiểm soát;

(f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

(g) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

17.4. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

(a) Thông qua các hợp đồng quy định tại Điều 17.2(p) và Điều 17.2(q) trên đây khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

(b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

17.5. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 18. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

18.1. Số lượng, thời gian, địa điểm họp:

(a) Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần. Ngoài ra, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

(b) Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không tổ chức được theo thời hạn nêu trên, Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn 02 tháng tiếp theo.

18.2. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông:

(a) Hội đồng Quản trị có trách nhiệm triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau đây:

(i) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

(ii) Số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

(iii) Theo yêu cầu bằng văn bản kiến nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 14.3 của Điều lệ này. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các Cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các Cổ đông liên quan);

(iv) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật hiện hành.

(b) Thời hạn triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường là 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Điều 14.3 của Điều lệ này.

Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

(c) Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại điểm (b) khoản này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

(d) Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm (c) khoản này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Điều 14.3 của Điều lệ này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

18.3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

(a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

(b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

(c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

(d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

(e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

(f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

(g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

18.4. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông, và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

(a) Thông báo mời họp;

(b) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

(c) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát;

(d) Phiếu biểu quyết;

(e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

18.5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Điều 14.3 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

18.6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Điều 18.5 trên đây nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

(a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

(b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm phần trăm (5%) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Điều 14.3 Điều lệ này;

(c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

(d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

(e) Người triệu tập họp từ chối kiến nghị phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 19. Thay đổi các quyền

Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

ĐIỀU 20. Đại diện theo ủy quyền

20.1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

20.2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

(a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

(b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

(c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

(d) Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

20.3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

(a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

(b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

(c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Quy định tại khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

ĐIỀU 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

21.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

21.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 21.1 trên đây thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

21.3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 21.2 trên đây này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

ĐIỀU 22. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

22.1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

(a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế

mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

(b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

22.2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

(a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

(b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

(c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

(d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

22.3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

22.4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

(a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

(b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

(c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

22.5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

22.6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

22.7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

(a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

(b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

22.8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

(a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

(b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

(c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

22.9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Điều 22.8 trên đây, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

22.10. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

(a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

(b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp, với điều kiện việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp;

(c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

(d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

(e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

ĐIỀU 23. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

23.1. Ngoại trừ các quyết định tại Điều 23.2 và Điều 23.3 dưới đây, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

23.2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

(a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;

(b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

(c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

(d) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

(e) Giao dịch quy định tại Điều 17.1(l) của Điều lệ này.

23.3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

23.4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

23.5. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 26 của Điều lệ này thì quyết định đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

ĐIỀU 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông có thể thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình theo thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

24.1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ các vấn đề sau:

(a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty;

(b) Định hướng phát triển Công ty;

(c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

(d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;

(e) Giao dịch quy định tại Điều 17.2(l) của Điều lệ này;

(f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

(g) Tổ chức lại, giải thể Công ty và chỉ định người thanh lý.

24.2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi đến tất cả

cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện tương tự quy định tại Điều 18.4 Điều lệ này.

24.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

(a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

(b) Mục đích lấy ý kiến;

(c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

(d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

(e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

(f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

(g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

24.4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

24.5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

(a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

(b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

(c) Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

24.6. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm toán nội bộ hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

(a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

(b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

(c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

(d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

(e) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết tương ứng;

(f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

24.7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

24.8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

24.9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 25. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

25.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

(a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

(b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

(c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

(d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

(e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

(f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

(g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

(h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

(i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

25.2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

25.3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

25.4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

ĐIỀU 26. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

26.1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 14.3 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

(a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại Điều 23.4 Điều lệ này.

(b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

26.2. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Mục 2

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐIỀU 27. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị

27.1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng Quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị.

27.2. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử một hoặc một số ứng viên Hội đồng Quản trị.

27.3. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

ĐIỀU 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị

28.1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là từ 03 đến 11 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

28.2. Thành viên Hội đồng Quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

(a) Không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định;

(b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

(c) Thành viên Hội đồng Quản trị có thể đồng thời là Tổng Giám đốc, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty khác, ngoại trừ các công ty chứng khoán.

28.3. Thành viên Hội đồng Quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau:

(a) Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;

(b) Có đơn từ chức;

(c) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

(d) Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

(e) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

(f) Cung cấp thông tin cá nhân không trung thực khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng Quản trị;

(g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

28.4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

28.5. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

28.6. Các trường hợp miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị:

(a) Thành viên Hội đồng Quản trị không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật khác (nếu có);

(b) Có đơn xin từ chức và được chấp thuận; hoặc

(c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

28.7. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:

(a) Thành viên Hội đồng Quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị

trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; hoặc

(b) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

28.8. Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất, trừ các trường hợp phải triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường quy định tại Điều 18.2 của Điều lệ này.

ĐIỀU 29. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

29.1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

29.2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do pháp luật, Điều lệ này và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

(a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

(b) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty với chức vụ từ Giám đốc Khối trở lên; quyết định mức lương và quyền lợi khác của người quản lý nêu trên; cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;

(c) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty;

(d) Giải quyết các tranh chấp của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

(e) Quyết định cơ cấu tổ chức (trừ cơ cấu tổ chức quản lý thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông), quy chế quản lý nội bộ và quy chế tài chính của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khac, trư cac giao dịch gop vốn, mua cổ phần thuộc nghiệp vụ tự doanh chứng khoán của Công ty;

(f) Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

(g) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

(h) Kiến nghị mức trả cổ tức, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

(i) Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần chào bán theo từng loại;

(j) Đề xuất Đại hội đồng cổ đông về việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

(k) Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu của Công ty;

(l) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của

từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

(m) Quyết định mua lại cổ phần và giá mua lại theo quy định tại Điều lệ này;

(n) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

(o) Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

(p) Thành lập các công ty con, chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

(q) Thông qua hoạt động đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản, vay, cho vay, sử dụng tài sản Công ty làm tài sản bảo đảm, các giao dịch thuộc phạm vi nghiệp vụ tự doanh chứng khoán và giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này;

(r) Thông qua giao dịch giữa Công ty và những người có liên quan theo Luật Doanh nghiệp có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, trừ giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;

(s) Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty;

(a) Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện nhiệm vụ quản trị rủi ro nhằm quy định chính sách chiến lược quản lý rủi ro trong hoạt động của Công ty và kiểm tra, đánh giá về sự phù hợp, hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro đã được thiết lập trong Công ty; và

(t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ.

29.3. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

ĐIỀU 30. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị

30.1. Thành viên Hội đồng Quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng Quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng Quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

30.2. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

30.3. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp

Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng Quản trị

30.4. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng Quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

ĐIỀU 31. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

31.1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch.

31.2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có nghĩa vụ sau đây:

(a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;

(b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị;

(c) Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị;

(d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng Quản trị;

(e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng Quản trị;

(f) Lãnh đạo và đảm bảo sự hoạt động có hiệu quả của Hội đồng Quản trị

(g) Xây dựng, thực hiện và rà soát các thủ tục chi phối hoạt động của Hội đồng Quản trị;

(h) Đảm bảo việc trao đổi thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và rõ ràng giữa các thành viên Hội đồng Quản trị với Chủ tịch Hội đồng Quản trị, giữa Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị;

(i) Đảm bảo việc truyền thông và liên lạc hiệu quả với các cổ đông;

(j) Tổ chức đánh giá định kỳ công tác của Hội đồng Quản trị, các bộ phận trực thuộc Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị;

(k) Tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên độc lập Hội đồng Quản trị hoạt động một cách có hiệu quả và thiết lập mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành trong Hội đồng Quản trị (nếu có);

(l) Thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm khác theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị theo nhu cầu và hoàn cảnh thực tế;

(m) Thay mặt Hội đồng Quản trị ký các quyết định/nghị quyết của Hội đồng Quản trị;

(n) Ký ban hành hoặc ủy quyền cho người khác ký ban hành các quy định, chính sách, quy trình và quy chế nội bộ của Công ty thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị sau khi các quy định, chính sách, quy trình hay quy chế đó được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị phê duyệt (tùy từng trường hợp áp dụng);

(o) Đề xuất và trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức thành viên Hội đồng Quản trị; trình Hội đồng Quản trị xem xét và thông qua việc bổ nhiệm, thuê, cử, miễn nhiệm, cách chức các chức danh thuộc thẩm quyền

của Hội đồng Quản trị;

(p) Có quyền phân cấp/ủy quyền cho tổ chức/cá nhân khác trong Công ty thực hiện quyền và nhiệm vụ nêu trên; và

(q) Các quyền và nhiệm vụ khác theo yêu cầu, ủy quyền hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị và theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

31.3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng Quản trị.

31.4. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

(a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị; ghi chép các biên bản họp;

(b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

(c) Hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

(d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.

31.5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

ĐIỀU 32. Quy định chung về cuộc họp Hội đồng Quản trị

32.1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

32.2. Các cuộc họp định kỳ: Cuộc họp định kỳ của Hội đồng Quản trị do Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý tối thiểu phải họp một (01) lần.

32.3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị bất thường, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản, trong đó nêu rõ mục đích cuộc họp và vấn đề cần thảo luận:

(a) Ban Kiểm soát;

(b) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;

(c) Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị (nếu có);

(d) Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị; hoặc

(e) Trường hợp khác do Công ty quy định phù hợp với các quy chế quản lý nội bộ của Công ty tại từng thời kỳ và quy định của pháp luật có liên quan.

32.4. Thành viên Hội đồng Quản trị tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị khi được triệu tập và cho ý kiến khi được lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định của Điều lệ và Quy chế này.

32.5. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền bảo lưu ý kiến của mình và yêu cầu ý kiến bảo lưu đó được ghi trong biên bản cuộc họp của Hội đồng Quản trị. Tuy nhiên, thành viên Hội đồng Quản trị phải chấp hành và tuân thủ các quyết định/nghị quyết của Hội đồng Quản trị được thông qua hợp lệ theo quy định của Điều lệ và Quy chế này.

ĐIỀU 33. Triệu tập họp Hội đồng Quản trị và địa điểm họp

33.1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thẩm quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không triệu tập họp theo quy định tại Điều 32.3 Điều lệ này thì người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị;

33.2. Theo quyết định của người có thẩm quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị, việc họp Hội đồng Quản trị có thể:

(a) Diễn ra tại trụ sở chính Công ty hoặc một địa điểm khác thuận tiện cho đa số thành viên Hội đồng Quản trị; hoặc

(b) Thực hiện qua điện thoại, hội nghị video, internet hoặc thông qua các phương tiện liên lạc an toàn khác với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

(i) Nghe thành viên Hội đồng Quản trị tham gia phát biểu trong cuộc họp; và

(ii) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng Quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

ĐIỀU 34. Chương trình họp Hội đồng Quản trị

34.1. Người triệu tập họp Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung và tài liệu họp Hội đồng Quản trị. Thành viên có quyền kiến nghị bằng văn bản về chương trình họp và gửi kiến nghị đến Công ty chậm nhất một (01) ngày làm việc trước ngày họp Hội đồng Quản trị. Người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải chấp thuận kiến nghị và bổ sung vào chương trình họp.

34.2. Trước khi bắt đầu thảo luận tại cuộc họp, Hội đồng Quản trị có thể xem xét, quyết định bổ sung bất kỳ vấn đề nào thuộc quyền hạn và trách nhiệm của mình vào nội dung chương trình họp.

ĐIỀU 35. Thông báo và chuẩn bị nội dung họp Hội đồng Quản trị

35.1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

35.2. Thông báo mời họp phải được lập bằng văn bản và được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty.

ĐIỀU 36. Thành phần tham dự họp Hội đồng Quản trị

36.1. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền tham dự bất kỳ cuộc họp Hội đồng Quản trị nào, kể cả cuộc họp Hội đồng Quản trị được triệu tập để xem xét vấn đề mà Hội đồng Quản trị không có quyền biểu quyết.

36.2. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp Hội đồng Quản trị. Việc ủy quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu chung của Công ty và gửi đến Công ty trước khi cuộc họp diễn ra. Để tránh nhầm lẫn, thành viên Hội đồng Quản trị cũng được coi là tham dự họp và được tính vào số lượng thành viên Hội đồng Quản trị tham dự họp nếu ủy quyền cho thành viên khác tham dự họp.

36.3. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham dự họp Hội đồng Quản trị và thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

36.4. Theo quyết định của mình, Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp có quyền đồng ý hoặc yêu cầu thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng Quản trị, các cán bộ quản lý, các chuyên viên khác tham dự họp Hội đồng Quản trị. Những người này được phát biểu nhưng không có quyền biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.

ĐIỀU 37. Điều kiện tiến hành họp Hội đồng Quản trị

37.1. Cuộc họp Hội đồng Quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp.

37.2. Trường hợp cuộc họp Hội đồng Quản trị được triệu tập lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

ĐIỀU 38. Biên bản họp Hội đồng Quản trị

38.1. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

(a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

(b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

(c) Thời gian, địa điểm họp

(d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

(e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

(f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

(g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

(h) Các quyết định đã được thông qua; và

(i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm từ (i) đến (viii) nêu tại Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

38.2. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị phải được lập biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác tại trụ sở Công ty. Biên bản họp lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

38.3. Ban thư ký của Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm lập biên bản họp. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị. Chậm nhất sau bảy (07) ngày kể từ ngày họp Hội đồng Quản trị, Ban thư ký của Hội đồng Quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp cho tất cả các thành viên tham dự.

ĐIỀU 39. Quyết định thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị

39.1. Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

(a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

(b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều lệ công ty;

(c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử, bỏ phiếu trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác; hoặc

(d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử, hoặc hình thức phù hợp khác. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp qua các hình thức khác (kể cả hình thức gửi phiếu trực tuyến hoặc gửi phiếu điện tử qua đường truyền internet), hệ thống dữ liệu điện tử được sử dụng để nhận phiếu biểu quyết phải đảm bảo an toàn và bảo mật đối với toàn bộ các thông tin được gửi tới từ cổ đông.

39.2. Trừ quy định tại khoản 4 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.

39.3. Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

39.4. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

ĐIỀU 40. Tổ chức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản

40.1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản.

40.2. Ban thư ký của Hội đồng Quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị.

40.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau:

(a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty;

(b) Mục đích lấy ý kiến;

(c) Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Hội đồng Quản trị;

(d) Vấn đề cần lấy ý kiến;

(e) Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

(f) Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Công ty;

(g) Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị; và

(h) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng Quản trị và gửi về công ty theo quy định của công ty.

40.4. Người tổ chức lấy ý kiến phải gửi phiếu lấy ý kiến và các tài liệu đi kèm ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày hết hạn gửi lại ý kiến ghi trên thông báo lấy ý kiến. Điều kiện năm (05) ngày làm việc tại câu trên sẽ không áp dụng nếu được tất cả thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận (bằng việc gửi lại phiếu lấy ý kiến).

40.5. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Hội đồng Quản trị theo một trong các hình thức sau đây:

(a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến khi gửi về phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

(b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Đối với trường hợp gửi phiếu lấy ý kiến bằng thư điện tử, Hội đồng Quản trị phải lập một hộp thư điện tử riêng để nhận phiếu lấy kiến của cổ đông và hộp thư này chỉ được truy cập và kiểm tra tại thời điểm kiểm phiếu.

(c) Gửi bằng phương thức khác (bao gồm (các) hệ thống bỏ phiếu/gửi phiếu điện tử hoặc các hình thức gửi phiếu lấy ý kiến khác thông qua đường truyền internet): Phiếu lấy ý

kiến khi được gửi theo các phương thức này phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu, hệ thống dữ liệu điện tử được sử dụng để nhận phiếu lấy ý kiến phải đảm bảo an toàn và bảo mật đối với toàn bộ các thông tin được gửi tới từ cổ đông.

40.6. Ban thư ký tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của ít nhất một (01) thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

(a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của công ty;

(b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;

(c) Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên Hội đồng Quản trị đã tham gia biểu quyết;

(d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;

(e) Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát.

40.7. Ban thư ký của Hội đồng Quản trị tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

40.8. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

40.9. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

40.10. Người tổ chức có thể lấy ý kiến bằng cách đề nghị thành viên Hội đồng Quản trị ký trực tiếp vào phần xin ý kiến của tờ trình giải trình các vấn đề xin ý kiến. Khi đó, các quy định về phiếu lấy ý kiến và biên bản kiểm phiếu trên đây sẽ không áp dụng.

40.11. Nếu có đủ số lượng ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị tán thành hợp lệ theo quy định về tỷ lệ thông qua quyết định/nghị quyết của Hội đồng Quản trị tại Điều lệ và Quy chế này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị ký ban hành nghị quyết/quyết định của Hội đồng Quản trị.

40.12. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.

ĐIỀU 41. Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị

Ngoài các quy định tại Điều lệ này, hoạt động của Hội đồng Quản trị phải tuân thủ quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông ban hành trong từng thời kỳ.

Mục 3

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐIỀU 42. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

42.1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

42.2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

42.3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

42.4. Tổng Giám đốc phải dáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

(a) Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật;

(b) Có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm làm việc tại bộ phận nghiệp vụ của các tổ chức trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm hoặc tại bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong các doanh nghiệp khác;

(c) Có chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính hoặc chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ;

(d) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong thời hạn 06 tháng gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

(e) Tổng Giám đốc không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác; Tổng Giám đốc không được là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác; và

(f) Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế nội bộ khác (nếu có).

42.5. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

(a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị quy định trong Điều lệ này;

(a) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị;

(b) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

(c) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;

(d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;

(e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền bầu/bổ nhiệm của Đại hội đồng cổ đông hay Hội đồng Quản trị; kiến nghị tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động cho các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng Quản trị;

(f) Quyết định tuyển dụng lao động tại Công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyền bầu/bổ nhiệm của Đại hội đồng cổ đông hay Hội đồng Quản trị; kiến nghị ứng viên cho các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng Quản trị;

(g) Phê duyệt cơ cấu nhân sự, chính sách nhân sự, định biên nhân sự và quyết định, phê duyệt chính sách, chế độ phúc lợi cho người lao động trong Công ty;

(h) Quyết định, phê duyệt thang, bảng lương và thanh toán lương cho người lao động trong Công ty;

(i) Quyết định các vấn đề khác liên quan đến chế độ làm việc và nghỉ ngơi của người lao động tại Công ty;

(j) Kiến nghị lên Hội đồng Quản trị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

(k) Quyết định hoạt động đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản, vay, cho vay, sử dụng tài sản Công ty làm tài sản bảo đảm, giao dịch thuộc phạm vi nghiệp vụ tự doanh chứng khoán và giao dịch khác trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị;

(l) Thực hiện các công việc khác được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị giao, ủy nhiệm, hoặc ủy quyền;

(m) Quyết định phê duyệt và ban hành các quy trình, quy chế vận hành nội bộ và các văn bản điều hành khác không thuộc nội dung thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị;

(n) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty mà không thuộc nhiệm vụ, trách nhiệm hoặc quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị; và

(o) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.

42.6. Tổng Giám đốc có thể giao, ủy nhiệm, hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện một hoặc một số công việc của mình nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc người đó thực hiện các công việc này.

42.7. Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

ĐIỀU 43. Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc

43.1. Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc có nhiệm vụ kiểm soát việc tuân thủ:

(b) Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng Quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của Công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công ty;

(c) Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân Công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong Công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền;

(d) Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;

(e) Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;

(f) Tách biệt tài sản của khách hàng;

(g) Bảo quản, lưu trữ tài sản của khách hàng;

(h) Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền; và

(i) Nội dung khác theo nhiệm vụ được Tổng Giám đốc giao.

43.2. Điều kiện về nhân sự của bộ phận Kiểm soát nội bộ

(a) Công ty phải bố trí tối thiểu 01 nhân viên làm Kiểm soát nội bộ.

(b) Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán hoặc kiểm toán, có đủ kinh nghiệm, uy tín và thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao.

(c) Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong công ty chứng khoán.

(d) Có chứng chỉ chuyên môn Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán, và chứng chỉ chuyên môn Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

(e) Không kiêm nhiệm các công việc khác trong công ty chứng khoán.

Chương IV

BAN KIỂM SOÁT

ĐIỀU 44. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban Kiểm soát

44.1. Việc ứng cử, đề cử Thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Điều 27.1 và Điều 27.2 của Điều lệ này.

44.2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (nếu có) và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 45. Cơ cấu và Thành viên Ban Kiểm soát

45.1. Số lượng Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty tối thiểu là 03 người. Nhiệm kỳ của Thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

45.2. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

45.3. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh, đầu tư hoặc chứng khoán. Trưởng Ban kiểm soát không được đồng thời là thành viên ban kiểm soát hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác.

45.4. Thành viên Ban Kiểm soát phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

(a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;

(b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

(c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

(d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty; và

(f) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

45.5. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

(a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

(b) Có đơn từ chức và được chấp thuận; và

(c) Các trường hợp khác phù hợp với quy chế quản trị nội bộ của Công ty tại từng thời kỳ và quy định của pháp luật có liên quan.

45.6. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

(a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

(b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

(c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

(d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

45.7. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

ĐIỀU 46. Trưởng Ban Kiểm soát

46.1. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các Thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Ngoài các điều kiện tại Điều 45.3 của Điều lệ này, Trưởng Ban Kiểm soát của Công ty không được đồng thời là Thành viên Ban Kiểm soát hoặc người quản lý của công ty chứng

khoán khác.

46.2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát:

(a) Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;

(b) Yêu cầu Hội đồng Quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát; và

(c) Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 47. Nhiệm vụ của Ban Kiểm soát

47.1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông công ty và pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ của mình.

47.2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

47.3. Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị; Trình báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông Công ty. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

47.4. Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông công ty/Hội đồng quản trị các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

47.5. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty hoặc của cổ đông/nhóm cổ đông có quyền theo quy định của pháp luật. Báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra cho Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra. Việc kiểm tra này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị và không gây gián đoạn hoạt động kinh doanh của Công ty.

47.6. Khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban Tổng giám đốc vi phạm pháp luật, Điều lệ dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của Công ty, Đại hội đồng cổ đông hoặc khách hàng, xâm phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Nếu vi phạm đó nghiêm trọng hoặc thành viên vi phạm không chịu thực hiện chấm dứt, điều chỉnh hành vi vi phạm đúng thời hạn theo yêu cầu, Ban Kiểm soát phải tiếp tục báo cáo Đại hội đồng cổ đông/đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị để đề xuất biện pháp giải quyết tiếp theo.

47.7. Đối với trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban Tổng giám đốc của Công ty vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật, Ban Kiểm soát phải trực tiếp báo cáo lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

47.8. Trong trường hợp thành viên Ban Kiểm soát biết rằng thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch

Hội đồng quản trị hoặc Ban Tổng giám đốc Công ty vi phạm quy định của pháp luật, nguyên tắc quản trị và Điều lệ Công ty, vì thế xâm phạm đến quyền và lợi ích của Công ty, nhưng không hoàn thành trách nhiệm của mình theo quy định, thành viên Ban Kiểm soát đó phải chịu trách nhiệm về những vấn đề có liên quan đến nhiệm vụ của mình.

47.9. Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

47.10. Các nhiệm vụ khác phù hợp với Điều lệ và pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 48. Quyền của Ban Kiểm soát

48.1. Sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

48.2. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

48.3. Được cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Điều 51 của Điều lệ này.

48.4. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

48.5. Được nhận thù lao và hưởng các lợi ích khác:

(a) Thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên;

(b) Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác; và

(c) Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

ĐIỀU 49. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

49.1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

(a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

(b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

(c) Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.

49.2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

49.3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải

cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

ĐIỀU 50. Trách nhiệm của Thành viên Ban Kiểm soát

50.1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

50.2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.

50.3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

50.4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

50.5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho công ty.

50.6. Trường hợp phát hiện có Thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

ĐIỀU 51. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Thành viên Ban Kiểm soát

51.1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;

51.2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

ĐIỀU 52. Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát

Ngoài các quy định tại Điều lệ này, hoạt động của Ban Kiểm soát phải tuân thủ quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông ban hành trong từng thời kỳ.

Chương V

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

ĐIỀU 53. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

53.1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

(a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

(b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

53.2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

53.3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

53.4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương), các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

53.5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Chương VI

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

ĐIỀU 54. Công nhân viên và công đoàn

54.1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

54.2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Chương VII

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

ĐIỀU 55. Phân phối lợi nhuận

55.1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

55.2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

55.3. Hội đồng Quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

55.4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

55.5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

55.6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VIII

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

ĐIỀU 56. Tài khoản ngân hàng

56.1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

56.2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

56.3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

ĐIỀU 57. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.

ĐIỀU 58. Chế độ kế toán

58.1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

58.2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

58.3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các

nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Chương IX

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

ĐIỀU 59. Báo cáo tài chính năm và Báo cáo tài chính bán niên

59.1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

59.2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

59.3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

ĐIỀU 60. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương X

KIỂM TOÁN CÔNG TY

ĐIỀU 61. Kiểm toán

61.1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng Quản trị.

61.2. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Chương XI

DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

ĐIỀU 62. Dấu của doanh nghiệp

62.1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

62.2. Hội đồng Quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

62.3. Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XII

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

ĐIỀU 63. Chấm dứt hoạt động

63.1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

(a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

(b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác; hoặc

(c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

63.2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng Quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

ĐIỀU 64. Thanh lý

64.1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

64.2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

64.3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

(a) Các chi phí thanh lý;

(b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

(c) Nợ thuế;

(d) Các khoản nợ khác của Công ty;

(e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

ĐIỀU 65. Tổ chức lại Công ty

65.1. Công ty thực hiện hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận,

65.2. Trình tự, thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và pháp luật liên quan.

Chương XIII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

ĐIỀU 66. Giải quyết tranh chấp nội bộ

66.1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ này, các quy định giữa:

(a) Cổ đông với Công ty;

(b) Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm toán nội bộ, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Đại hội đồng cổ đông chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

66.2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

66.3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Chương XIV

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

ĐIỀU 67. Điều lệ Công ty

67.1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

67.2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương XV

NGÀY HIỆU LỰC

ĐIỀU 68. Ngày hiệu lực

68.1. Bản điều lệ này gồm 15 Chương, 68 Điều được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán KS nhất trí thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 vào ngày 23 tháng 04 năm 2021 tại trụ sở chính của Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

68.2. Điều lệ được lập thành ba (03) bản chính, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở hính của Công ty.

68.3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

68.4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng Quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TRẦN THỊ THU HẰNG